

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST

Ngày: 31/7/2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Minh Tâm

2. Ông Phạm Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn B

Trụ sở chính: Đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy K – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Nhân viên pháp chế - nhân sự của Công ty (văn bản ủy quyền số 11/2018/VBUQ, ngày 10/10/2018). (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp L.

Trụ sở chính: tổ B, khu phố M, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy H – Giám đốc Công ty. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/11/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty B) có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 27/HĐ.2015 với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp L (gọi tắt là Công ty L), về việc bán bê tông tươi thương phẩm cho Công ty L xây dựng các công trình rãnh thoát nước gói thầu XL-06 thuộc dự án BOT Quốc lộ 1 Tiền Giang; giá bê tông 1.440.000đ/m³; chi phí bơm cần 100.000đ/m³; trường hợp 01 bơm dưới 25m³ thì đơn giá là 3.000.000đ; tăng độ sụt 1 cấp thì công 20.000đ/m³; nếu sử dụng phụ gia 7 ngày 80.000đ/m³.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thực hiện xong hợp đồng, được Công ty L xác nhận là 180m³ bê tông tươi thương phẩm, thành tiền 522.122.000đ (Năm trăm hai mươi hai triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng). Công ty L đã thanh toán được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/3/2017, Công ty L đã xác nhận còn nợ Công ty B 482.122.000đ. Sau đó Công ty B nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty L trả nợ nhưng Công ty L vẫn không trả.

Do đó, Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty L hoàn trả số tiền còn nợ 482.122.000đ và yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 01/4/2017 đến ngày xét xử.

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn B đã được thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết: Nguyên và bị đơn đều là pháp nhân, có đăng ký kinh doanh và đều nhằm mục đích lợi nhuận; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ theo hợp đồng kinh tế; ngoài ra, trong hợp đồng nguyên và bị đơn có thỏa thuận thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về kinh doanh thương mại "*Hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn B, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 27/HĐ.2015, ngày 12/11/2015, về việc cung cấp bê tông tươi thương phẩm đã được nguyên và bị đơn ký kết là có thật, việc ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc; có hình thức và nội dung không trái pháp luật hay trái đạo đức xã hội, nên có giá trị pháp lý để thực hiện. Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/3/2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn B và Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp L cho thấy Công ty L còn nợ số tiền

482.122.000đ; sau khi xác nhận công nợ thì Công ty L cũng không có văn bản hay ý kiến phản đối đối với công nợ này, điều này cho thấy Công ty L đã thừa nhận số nợ trên là đúng. Trong quá trình giải quyết, bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, khẳng định Công ty L hiện còn nợ Công ty B số tiền mua bê tông thương phẩm còn nợ là 482.122.000đ là có thật. Xét thấy, Công ty L đã nhận đủ hàng hóa nhưng chưa thanh toán đủ tiền cho Công ty B là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty L hoàn trả số tiền 482.122.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/3/2017 và như nhận định trên cho thấy Công ty L đã vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng đối với Công ty B kể từ ngày 31/3/2017, cho nên, Công ty B yêu cầu Công ty L phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005. Tuy nhiên, xét về mức lãi suất Công ty B yêu cầu theo mức lãi suất quá hạn theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, có lợi cho bị đơn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc tính lãi như sau: $482.122.000đ \times 851 \text{ ngày} (01/4/2017 - 31/7/2019) \times (9\% \times 150\%/360) = 151.750.000đ$.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 29.355.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 50, Điều 306, Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn B, có ông Nguyễn Văn T làm đại diện.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B các khoản tiền sau:

- Tiền nợ mua hàng hóa: 482.122.000đ (Bốn trăm tám mươi hai triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng);

- Tiền lãi chậm thanh toán: 151.750.000đ (Một trăm năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng);

Tổng cộng bằng: 633.872.000đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp L chịu 29.355.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 13.414.000đ (Mười ba triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004201, ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Báo cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Công ty trách nhiệm hữu hạn xây lắp L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Tấn Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...